

Giáo trình tự học

TIẾNG HÀN

Cho Mọi Người

Phần trung cấp



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Biên soạn: Lê Hoàng Phương và nhóm cộng tác



Tự Học

TIẾNG HÀN

Cho Mọi Người

(Phần Trung Cấp)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
TP. HỒ CHÍ MINH

Lời nói đầu

1. Giáo trình "**Tự Học Tiếng Hàn Cho Mọi Người**" này được biên soạn dựa trên bộ sách của các giáo sư Sang - Oak Lee, Hi - Won Yoon, Jae - Young Han, Mee - Sun Han và Eun - Gyu Choi tại viện nghiên cứu ngôn ngữ của Đại Học Quốc Gia Seoul. Nó gồm ba tập với 25 bài trong mỗi tập.
2. Bộ sách này được biên soạn tuân theo những tiêu chí chung sau đây về nội dung:
 - a. Nội dung phải dễ học (đặc biệt trong tập 1 và tập 2)
 - b. Nó phải mang tính giải trí cũng như giáo dục (đặc biệt tập 3).
 - c. Nó phải phản ánh các đặc trưng về ngữ âm và ngữ pháp của tiếng Hàn Quốc.
 - d. Nó phải giới thiệu các khía cạnh văn hóa của người Hàn Quốc theo một cách thức tự nhiên và nguyên vẹn.
 - e. Nó phải bao đảm các cá nhân có thể tự học một mình mà không cần có sự trợ giúp của giáo viên hoặc lệ thuộc môi trường lớp học.
3. Các bài học từ 1 đến 5 của tập 1 có mục đích giới thiệu và thực hành mẫu tự tiếng Hàn Quốc Han'gǔl. Mẫu tự này đã ra đời trên 500 năm trước đây (dịch xác là vào năm 1443), do bởi vua Sejong dựa trên sự khảo sát thận trọng các đặc trưng ngữ âm học của tiếng Hàn và có lẽ đây là bảng mẫu tự mang tính khoa học nhất.

Đối với những học viên bước đầu làm quen với tiếng Hàn, họ sẽ cảm thấy rằng việc học những hệ thống ngữ âm rất logic và dễ dàng. Cách thực hành viết ký tự cũng được đưa vào nhằm giúp học viên làm quen với cấu trúc của Han'gǔl. Các học viên cần lưu ý đặc biệt đến thứ tự nét và phải bao đảm rằng các nét phải cách đều nhau và mỗi nét chỉ nằm sát sao bên trong một ô vuông.

4. Bố cục một bài học bao gồm từ vựng, phần phát âm, một phần bài khóa chính, phần ngữ pháp và phần bài tập thực hành. Trong phần từ vựng, các từ mới trong bài học được trình bày với phần giải thích tóm lược bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Những phần giải thích này cung cấp cho bạn đọc chi tiết tổng quát về ngữ nghĩa của các từ, để biết thêm các định nghĩa sâu xa hơn, học viên nên tham khảo từ điển hoặc người nói tiếng Hàn bản ngữ.

Ở phần hướng dẫn cách đọc các từ vựng đặc biệt hoặc những từ vựng khó, các âm đặc trưng của tiếng Hàn Quốc cũng sẽ được học một cách chính xác ở giai đoạn đầu tiên để ngăn bạn đọc nhiễm thói quen xấu khó chỉnh sửa sau này. Trong những bài khóa chính, các bài hội thoại hấp dẫn được đưa vào. Sách cũng đưa vào các khía cạnh khác nhau của văn hóa Hàn Quốc vốn là điều cần thiết trong việc học tiếng Hàn. Để thực hiện điều đó, sách đã vận dụng thông tin văn hóa vào một bài khóa theo một cách thức rất tự nhiên và đã cố gắng trình bày văn hóa Hàn Quốc hiện đại, tránh nhấn mạnh những nền văn hóa cổ truyền. Sự phân chia bài khóa chính trong bài học thành hai phần đôi khi cũng được thực hiện để giúp thay đổi cảnh quan của bài học.

Phần giải thích về các chủ điểm ngữ pháp cũng được trình bày theo tiếng Anh và tiếng Việt nhằm giúp cho đại bộ phận học viên không có điều kiện theo học một giáo viên có thể hiểu rõ nội dung hơn. Tuy nhiên, những ví dụ không có phần diễn dịch cũng được đưa vào để giải thích cách sử dụng ngữ pháp.

Các bài tập khuyến khích học viên thực hành từ vựng và chủ điểm ngữ pháp được bố trí trong mỗi bài học.

5. Danh mục từ vựng và chủ điểm ngữ pháp, phần giải thích tiếng Anh và tiếng Việt của các bài khóa chính được tìm thấy ở phần cuối của quyển sách. Tuy nhiên, trong tập 1, những bài tập của tiếng Anh và tiếng Việt được đưa vào ngay sau mỗi bài khóa chính.

Ở tập 2 và tập 3 bài dịch tiếng Anh và tiếng Việt của những bài hội thoại được đưa vào cuối sách. Đây chính là quan điểm của các tác giả bởi vì trong khi bài dịch tiếng Anh và tiếng Việt sử dụng ở những giai đoạn đầu tiên thì nó cũng có thể trở nên thừa thãi đối với những học viên có trình độ cao hơn. Đối với những học viên ở trình độ này bài dịch chỉ mang tính tham khảo, nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, để khám phá những ý nghĩa giao tiếp đa dạng vượt ra ngoài khuôn khổ trong từ điển, và để tiếp cận với nền văn hóa và xã hội Hàn Quốc thông qua các chủ đề bên dưới.

6. Ở cuối cuốn sách có phần danh mục từ vựng và tham chiếu ngữ pháp với con số theo sau mỗi từ vựng cho biết thứ tự bài học mà từ vựng đó xuất hiện.

Với nội dung phong phú, bố cục mạch lạc, dễ hiểu chúng tôi hy vọng rằng bộ sách này sẽ là công cụ học tập tiếng Hàn tốt nhất cho các bạn đọc.

제 1 과 인 사

Bài 1: Lời chào (Greetings)



❖ 어휘 - Từ vựng

- ❖ **요즈음** : ngày nay; những ngày này (*nowadays, these days*)
- ❖ **오랜만** : sau thời gian dài (*after a long time*)
- ❖ **별일** : một điều gì đó bất thường (*particular thing, something wrong*)
- ❖ **귀엽다** : đáng yêu, duyên dáng (*to be cute, charming, lovely*)

• 어떻게 : như thế nào (*how*)

• 얼마만 : bao lâu (*how long*)

• 건강 : sức khoẻ (*health*)

❖ 발음 - Cách phát âm (Pronunciation)

어떻게

건강하지요

별일[별릴]

없으셨어요

오랜만이예요

귀여워요

선생님 : 요즈음 어떻게 지내셨어요?

앤 : 잘 지냈어요.

선생님 : 오랜만이지요?

앤 : 네, 오랜만이에요. 얼마만이지요?

선생님 : 1년만이에요.

앤 : 그동안 별일 없으셨어요?

선생님 : 네, 별일 없었어요.

Giáo sư: Đạo này em có khoẻ không?

Ann: Em vẫn khoẻ.

Giáo sư: Cũng đã lâu rồi thầy trò mình mới gặp nhau, phải không?

Ann: Dạ, cũng lâu rồi. Khoảng bao lâu thầy nhỉ?

Giáo sư: Một năm.

Ann: Điều gì bất thường xảy ra với thầy trong suốt thời gian qua không ạ?

Giáo sư: Không, không có điều gì xảy ra cả.

Professor: *How have you been these days?*

Ann: *I've been well.*

Professor: *It's been a long time since we last met, hasn't it?*

Ann : *Yes, it's been a long time. How long has it been?*

Professor: *One year.*

Ann: *Has anything unusual happened to you during that time?*

Professor: *No, nothing unusual has happened.*

앤 : 아이들은 건강하지요?

선생님 : 네, 다 건강해요.

앤 : 큰 아이는 몇 살이예요?

선생님 : 큰 아이는 여섯 살이예요.

앤 : 작은 아이도 아들이예요?

선생님 : 아니요, 딸이예요.

앤 : 아이들이 참 귀여워요.

선생님 : 네, 정말 귀여워요.

Ann: Các con của thầy vẫn khỏe phải không ạ?

Giáo sư: À, chúng vẫn khoẻ.

Ann: Vậy người con lớn nhất của thầy mấy tuổi rồi ạ?

Giáo sư: Con lớn nhất của thầy đã sáu tuổi.

Ann: Vậy đứa nhỏ nhất cũng là con trai à?

Giáo sư: Không, nó là con gái.

Ann: Các con của thầy rất đáng yêu.

Giáo sư: Phải, chúng rất đáng yêu.

Ann: Your children are healthy, aren't they?

Professor: Yes, (they are) all healthy.

Ann: How old is your oldest child?

Professor: Our oldest child is six years old.

Ann: Is your youngest child also a son?

Professor: No, she is a daughter.

Ann: Your children are very cute.

Professor: Yes, they are really cute.

❖ 문법 - Ngữ pháp (Grammar)

1. Phần cuối của gốc động từ có phụ âm -ㅂ.

Một vài động từ tận cùng bằng -ㅂ là động từ bất quy tắc mà trong một số trường hợp -ㅂ chuyển thành ㅜ.

Verb stems ending in the final consonant -ㅂ.

Some verbs whose stems end in -ㅂ are irregular in that in certain environments the final stem sound -ㅂ changes into ㅜ.

1) Khi mà -ㅂ được theo sau bằng một nguyên âm, -ㅂ chuyển thành ㅜ. Hãy xem các ví dụ dưới đây:

When the final -ㅂ of the stem is followed by a vowel, -ㅂ changes into ㅜ. See the examples below:

귀엽다 – 귀여워요 : đáng yêu (to be cute)

덥다 – 더워요 : nóng (to be hot)

- 2) Nhưng khi - ㅂ has a final consonant, it does not change. See the following examples:

But when the final - ㅂ of the stem is followed by a consonant, no such change takes place. See the following examples:

덥지 않아요 : không nóng (not to be hot)

어렵지 않아요 : không khó (not to be difficult)

- 3) Tuy nhiên, các động từ tận cùng bằng - ㅂ có quy tắc không bao giờ đổi gốc từ của chúng. Hãy xem các ví dụ sau:

There exist, however, - ㅂ regular verbs which never change their stem. See the following examples:

뽑다 – 뽑아요 : kéo ra (to pull out)

집다 – 집어요 : nhặt lên to pick up (as with finger tips)

❖ 연습문제 - Bài tập (Exercises)

1. 보기와 같이 다음 단어들을 문장 속에서 변화시켜 보세요.

보기 : ‘귀엽다’

저 소녀는 정말 (귀여워요).

- 1) ‘어렵다’

한국말은 조금 ().

- 2) ‘아름답다’

저 꽃은 참 ().

- 3) ‘덥다’

오늘은 날씨가 ().